

Thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên hiện nay

Vi Văn Thảo

Trường Đại học Công nghệ Đông Á

TÓM TẮT

Giáo dục kỹ năng mềm là một trong những nội dung giáo dục quan trọng trong các trường đại học hiện nay, tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa thật sự được coi trọng và đạt được hiệu quả có thể đáp ứng được yêu cầu của sinh viên và thị trường lao động. Bài viết đã tiến hành điều tra, khảo sát trên 495 đối tượng SV các trường đại học ở Hà Nội, nhằm đánh giá đúng thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên hiện nay tuy đã được quan tâm nhưng vẫn còn nhiều hạn chế cần phải khắc phục. Từ đó, chúng tôi đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên như nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng mềm, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục nhằm trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để vận dụng thành công trong học tập và cuộc sống.

Từ khóa: thực trạng, giáo dục, kỹ năng mềm, sinh viên, hiện nay

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giáo dục kỹ năng mềm có vai trò rất quan trọng đối với SV, quyết định đến hơn 70% thành công trong cuộc sống. Để thành công trong cuộc sống thì chỉ có yếu tố kiến thức chuyên môn là chưa đủ nên cần phải được trang bị về kỹ năng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống. “Yếu tố quan trọng để thành công không phải là kiến thức chuyên môn con người được trang bị ở trường học, cũng không phải là chỉ số thông minh (IQ) hay nhiều năm kinh nghiệm, đó là nhờ trí tuệ cảm xúc (EQ) của con người” [1]. Do vậy, trang bị kỹ năng mềm cho SV là thật sự cần thiết, không chỉ giúp hình thành nhân cách mà còn thành công trong cuộc sống. “Giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, SV là nội dung quan trọng định hướng nhân cách, góp phần phát triển toàn diện học sinh, SV” [2, tr.22]. Hiện nay, giáo dục kỹ năng mềm cho SV trong các nhà trường đại học ở Hà Nội đã được một số nhà trường quan tâm. Tuy nhiên, kỹ năng mềm vẫn chưa đưa vào trở thành môn học chính thức trong chương trình đào tạo, SV chủ yếu được giáo dục thông qua tích hợp một số môn học khác hoặc tập huấn thông qua một số chuyên đề được nhà trường tổ chức hay mời các chuyên gia. Do vậy, việc giáo dục chưa đảm bảo tính hiệu quả và đáp ứng được yêu cầu của SV trong việc trang bị các kỹ năng sống để vận dụng trong học tập và cuộc sống. Chính vì vậy, nghiên cứu về giáo dục kỹ năng mềm cho SV là cần thiết nhằm đánh giá khái quát chính xác về thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho SV hiện nay, đưa ra

được các giải pháp cần thiết, hiệu quả để các nhà nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học áp dụng để xây dựng chương trình, giải pháp nhằm trang bị kỹ năng mềm cho SV.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Hiện nay, đã có khá nhiều nhà khoa học nghiên cứu và công bố về vấn đề giáo dục kỹ năng mềm cho SV, cụ thể:

Nguyễn Thị Hà Lan (2013) đã nghiên cứu về thực trạng kỹ năng sống của SV Việt Nam, trên cơ sở đó đưa ra 5 giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho SV như sau: lồng ghép giáo dục kỹ năng sống trong các môn học; tổ chức các buổi tập huấn chuyên đề kỹ năng sống; tổ chức phong trào hoạt động Đoàn, Hội Sinh viên; xây dựng phong cách sống, kỹ năng sống cho giảng viên và SV; bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng sống cho cán bộ quản lý SV, cán bộ đoàn, cố vấn học tập [3, tr.112-120].

Đặng Thị Phương Phi (2014) đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về kỹ năng sống, các yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng sống của SV, thực trạng kỹ năng sống của SV hiện nay. Cuối cùng đưa ra các giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho SV trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, bao gồm: tăng cường nhận thức về kỹ năng sống; sử dụng linh hoạt các hoạt động, các hình thức giáo dục kỹ năng sống; hình thành và củng cố nguồn nhân lực để giáo dục kỹ năng sống [4].

Đoàn Thị Thảo (2017) nghiên cứu về thực trạng giáo

Tác giả liên hệ: ThS. Vi Văn Thảo

Email: vivanthaols@gmail.com

dục kỹ năng cho SV trường Đại học Đồng Nai, trên cơ sở đó đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao giáo dục kỹ năng sống cho SV như giảng viên cần đầu tư thời gian vào bài giảng, nhà trường tổ chức các lớp học ngoại khóa về kỹ năng sống [5, tr.19-28].

Phan Thị Thanh Cảnh và cộng sự (2017) đã đưa ra một số biện pháp giáo dục kỹ năng sống như thông qua lồng ghép, tích hợp vào các môn học; thông qua tham vấn; thông qua tuyên truyền và giáo dục; thông qua các chủ đề được thiết kế. Tác giả khẳng định, con người trong xã hội hiện đại cần phải có kỹ năng sống để đáp ứng những thách thức và thời cơ trong quá trình toàn cầu [6, tr.142-146].

Nguyễn Thị Phương Thảo (2018) đã đưa ra các giải pháp nhằm giáo dục kỹ năng mềm cho SV trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh như nâng cao nhận thức cho SV; đổi mới công tác đào tạo kỹ năng mềm; tăng cường tích hợp giáo dục kỹ năng mềm cho SV; chú trọng rèn luyện kỹ năng mềm cho SV thông qua các hoạt động ngoại khóa. Cuối cùng khẳng định rằng, để thành công trong học tập và cuộc sống, ngoài việc tích lũy kiến thức chuyên môn thì kỹ năng mềm là hành trang quan trọng đối với mỗi sinh viên [7, tr.81-87].

Lê Thị Thu Hà (2019) đã nghiên cứu thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho SV trường Đại học Hồng Đức trên cơ sở điều tra, khảo sát trên 145 giảng viên và 250 SV để đánh giá về thực trạng giáo dục kỹ năng sống tại nhà trường và khẳng định nhà trường cần phải có biện pháp giáo dục góp phần nâng cao kỹ năng sống cho SV, giúp các em vững tin trong học tập, trong cuộc sống, tự lập thân, lập nghiệp [8, tr.158-164].

Tất cả các nghiên cứu trên đều khẳng định tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống cho SV và đưa ra được các giải pháp nhằm giáo dục kỹ năng sống trong nghiên cứu của mình. Nhằm làm rõ hơn thực trạng giáo dục kỹ năng mềm, chúng tôi

tiến hành nghiên cứu khái quát và cụ thể hơn vấn đề giáo dục kỹ năng mềm tại các trường đại học ở Hà Nội, nhằm đóng góp thêm cơ sở thực tiễn để đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng mềm cho SV hiện nay.

Kỹ năng mềm là những hành vi cụ thể của cá nhân thể hiện năng lực trí tuệ và năng lực hành động đúng đắn, hiệu quả. Kỹ năng mềm là quá trình tích lũy thông qua quá trình học tập, rèn luyện và trải nghiệm trong thực tiễn mà có được.

Giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên là hoạt động giáo dục có mục đích của nhà giáo dục nhằm Giáo dục kỹ năng mềm cho SV là các hoạt động tổ chức dạy học của giảng viên nhằm hình thành và phát triển cho SV các kỹ năng quan trọng để vận dụng xử lý thành công các vấn đề trong học tập và cuộc sống.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

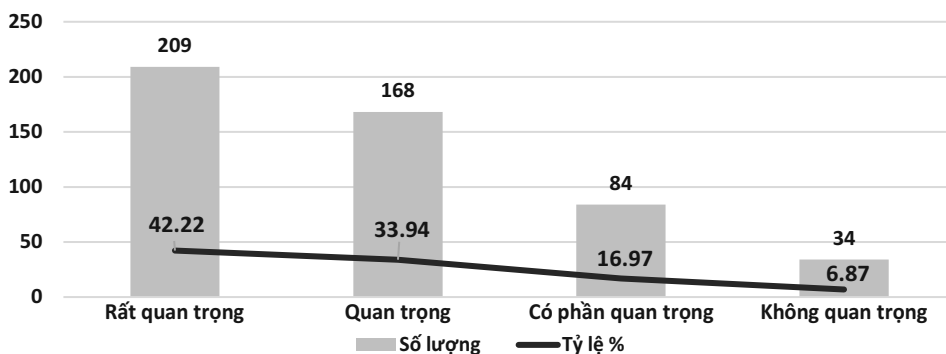
Để hoàn thành nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát đối với 495 SV năm thứ 3 và năm thứ 4 của các trường đại học ở Hà Nội (bao gồm: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Công nghệ Đông Á, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính và Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội) thông qua phiếu hỏi nhằm thu thập các dữ liệu về thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho SV.

Các dữ liệu điều tra, khảo sát được chúng tôi tiến hành tổng hợp, xử lý trên phần mềm Microsoft Excel, tính tỷ lệ % và sử dụng thang đo 4 mức độ để phân tích kết quả khảo sát.

4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả nghiên cứu

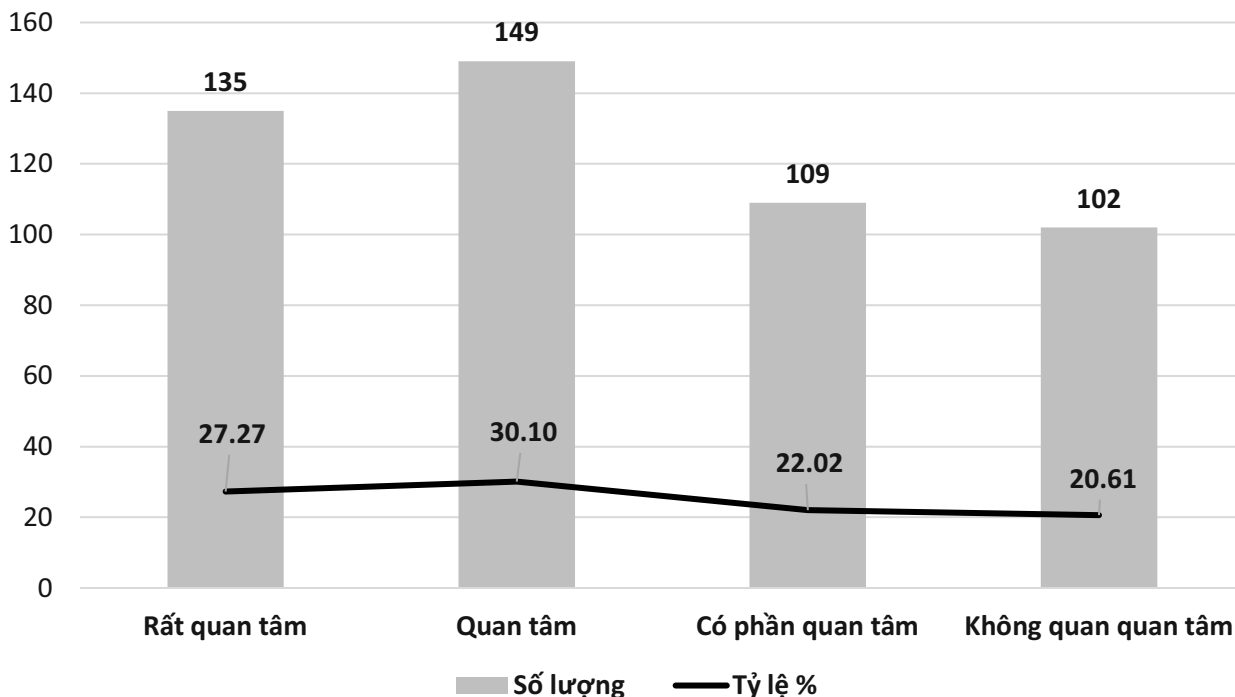
Tổng hợp kết quả điều tra, khảo sát đối với 495 SV các trường đại học ở Hà Nội và qua xử lý dữ liệu cho được kết quả ở các Hình 1-5 và Bảng 1 - 3 dưới đây:



Hình 1. Biểu đồ nhận thức của sinh viên về vai trò của kỹ năng mềm

Từ Hình 1 cho thấy kết quả nhận thức của sinh viên về vai trò của kỹ năng mềm: Có 209 SV (chiếm 42.22%) cho rằng rất quan trọng, có 168 SV (chiếm

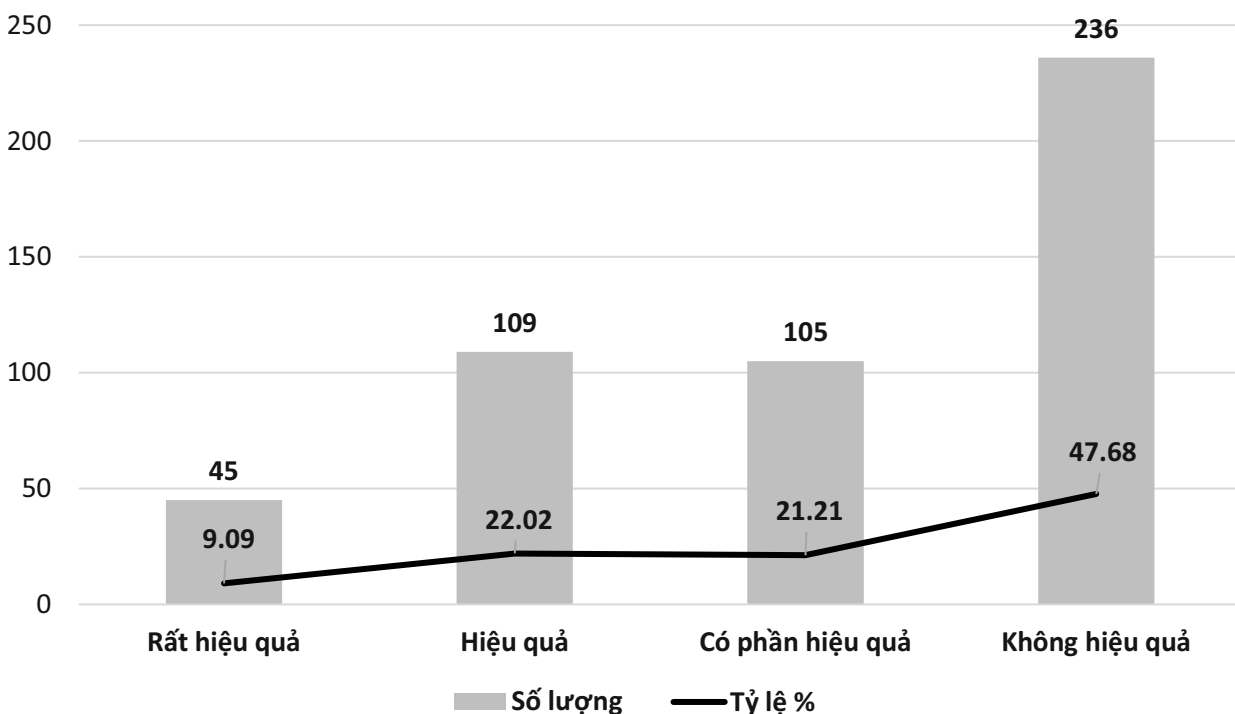
33.94%) cho rằng quan trọng; có 84 SV (chiếm 16.97%) cho rằng có phần quan trọng và 34 SV (chiếm 6.87%) cho rằng không quan trọng.



Hình 2. Biểu đồ sự quan tâm của nhà trường đối với giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên

Hình 2 cho thấy kết quả đánh giá của sinh viên về sự quan tâm của nhà trường trong giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên: Có 135 SV (chiếm 27.27%) cho rằng rất

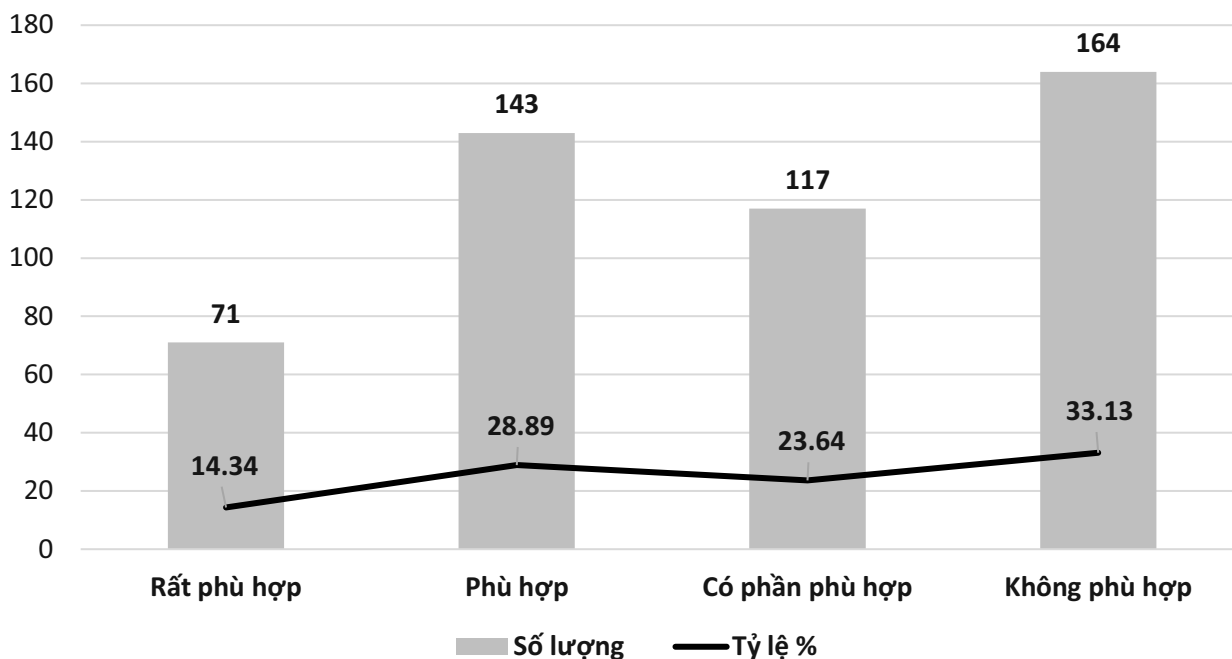
quan tâm, có 149 SV (chiếm 30.10%) cho rằng quan tâm, có 109 SV (chiếm 22.02%) cho rằng có phần quan tâm và có 102 SV (chiếm 20.61%) cho rằng không quan tâm.



Hình 3. Biểu đồ mức độ hiệu quả trong giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên

Hình 3 cho thấy sự đánh giá của SV về mức độ hiệu quả trong giáo dục kỹ năng mềm: Có 45 SV (chiếm 9.09%) cho rằng rất hiệu quả, có 109 SV (chiếm

22.02%) cho rằng hiệu quả, có 105 SV (chiếm 21.21%) cho rằng có phần hiệu quả và 236 SV (chiếm 47.68%) cho rằng không hiệu quả.



Hình 4. Biểu đồ về nội dung giáo dục kỹ năng mềm

Hình 4 cho thấy kết quả khảo sát về sự phù hợp của nội dung giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên: Có 71 SV (chiếm 14.34%) cho rằng rất phù hợp, có 142

SV (chiếm 28.89%) cho rằng phù hợp, có 117 SV (chiếm 23.64%) cho rằng có phần phù hợp và có 164 SV (chiếm 33.13%) cho rằng không phù hợp.

Bảng 1. Các hình thức giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên

Hình thức giáo dục	Mức độ hiệu quả				Tổng %
	Rất hiệu quả	Hiệu quả	Có phần hiệu quả	Không hiệu quả	
Thông qua học phần Kỹ năng mềm	13.90	39.79	23.56	22.75	100.00
Thông qua các hình thức dạy học ở trên lớp	21.73	23.91	40.44	13.92	100.00
Thông qua các buổi tuyên truyền, học chuyên đề	19.54	37.61	21.34	21.51	100.00
Thông qua các môn học khác ở trên lớp	29.72	33.75	27.52	9.01	100.00
Thông qua các hoạt động ngoại khóa	15.29	35.78	34.69	14.24	100.00
Tự giáo dục của sinh viên	31.71	45.57	19.56	3.16	100.00

Bảng 1 cho thấy kết quả khảo sát đối với SV về mức độ hiệu quả trong tổ chức các hình thức giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên:

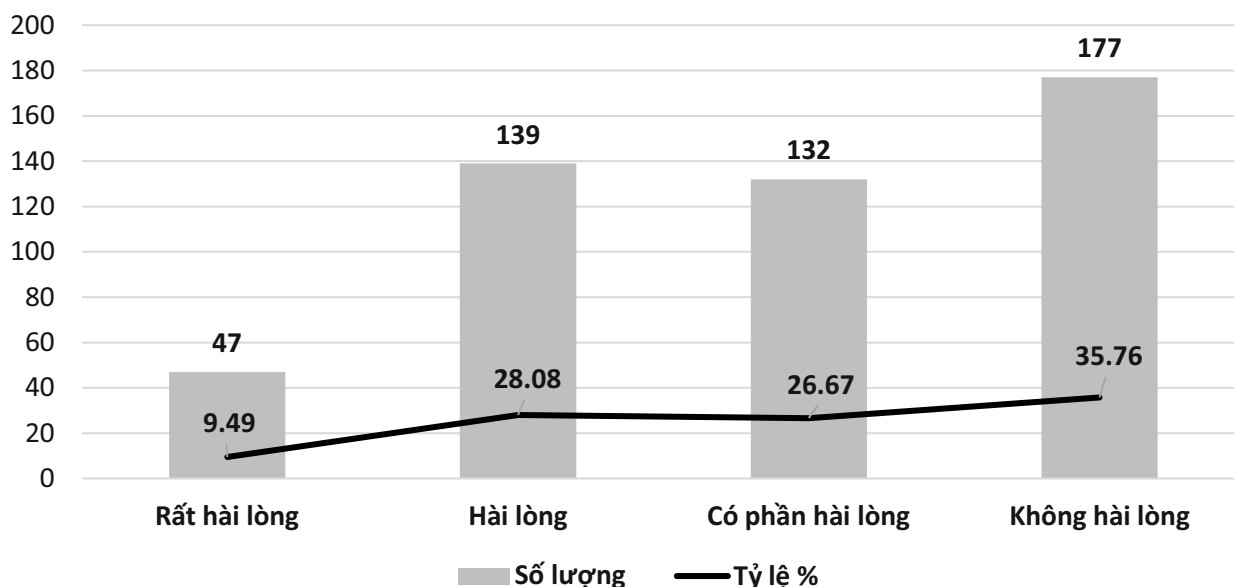
- Hiệu quả trong thông qua dạy học học phần Kỹ năng mềm: Có 13.90% SV rất đồng ý, có 39.79% SV đồng ý, có 23.56% SV có phần đồng ý và 22.75% SV không đồng ý.
- Hiệu quả thông qua các hình thức dạy học trên lớp: Có 21.73% SV cho rằng rất hiệu quả, có 23.91% SV cho rằng hiệu quả, có 40.44% SV cho rằng có phần hiệu quả và có 13.92% SV cho rằng không hiệu quả.

- Hiệu quả thông qua các buổi tuyên truyền, học chuyên đề: Có 19.54% SV cho rằng rất hiệu quả, có 37.61% SV cho rằng hiệu quả, có 21.34% SV cho rằng có phần hiệu quả và có 21.51% SV cho rằng không hiệu quả.
- Hiệu quả thông qua các môn học khác ở trên lớp: Có 29.72% SV cho rằng rất hiệu quả, có 33.75% SV cho rằng hiệu quả, có 27.52% SV cho rằng có phần hiệu quả và 9.01% SV cho rằng không hiệu quả.
- Hiệu quả thông qua các hoạt động ngoại khóa: Có 15.29% SV cho rằng rất hiệu quả, có 35.78% SV cho rằng hiệu quả, có 34.69% SV cho rằng có

phần hiệu quả và 14.24% SV cho rằng không hiệu quả.

- Thông qua hình thức tự giáo dục của sinh viên: Có

31.71% SV cho rằng rất hiệu quả, có 45.57% SV cho rằng hiệu quả, có 19.56% SV cho rằng có phần hiệu quả và 3.16% SV cho rằng không hiệu quả.



Hình 5. Biểu đồ sự hài lòng của sinh viên về phương pháp dạy học của giảng viên

Hình 5 cho thấy sự hài lòng của sinh viên về phương pháp dạy học của giảng viên: Có 47 SV (chiếm 9.49%) rất hài lòng, có 139 SV (chiếm

28.08%) hài lòng, có 132 SV (chiếm 26.67%) một phần hài lòng và 177 SV (chiếm 35.76%) không hài lòng.

Bảng 2. Nguyên nhân dẫn đến giáo dục kỹ năng mềm chưa hiệu quả

Nguyên nhân	Mức độ đồng ý				Tổng %
	Rất đồng ý	Đồng ý	Có phần không đồng ý	Không đồng ý	
Chưa có môn học Kỹ năng mềm	81.12	12.31	6.57	0.00	100.00
Nhà trường chưa quan tâm tới giáo dục kỹ năng mềm	32.78	31.79	21.64	13.79	100.00
Giảng viên giảng dạy chưa nhiệt tình, phương pháp dạy học chưa hiệu quả	21.76	29.06	27.41	21.77	100.00
Cơ sở vật chất chưa đáp ứng đủ yêu cầu	19.03	9.37	17.89	53.71	100.00
Sinh viên chưa chú trọng trau dồi kỹ năng mềm	37.91	41.34	16.71	4.04	100.00

Bảng 2 cho thấy sự đánh giá của sinh viên về nguyên nhân dẫn đến giáo dục kỹ năng mềm chưa hiệu quả như sau:

- Chưa có môn học Kỹ năng mềm: có 81.12% SV rất đồng ý, có 12.31% SV đồng ý, có 6.57% SV một phần đồng ý, không có SV không đồng ý.
- Nhà trường chưa quan tâm tới giáo dục kỹ năng mềm: Có 32.78% SV rất đồng ý, có 31.79% SV đồng ý, có 21.64% SV một phần đồng ý và 13.79% SV không đồng ý.
- Giảng viên giảng dạy chưa nhiệt tình, phương

pháp dạy học chưa hiệu quả: Có 21.76% SV rất đồng ý, có 29.06% SV đồng ý, có 27.41% SV một phần đồng ý, có 21.77% SV không đồng ý.

- Cơ sở vật chất của nhà trường chưa đáp ứng được yêu cầu: Có 19.03% SV rất đồng ý, có 9.37% SV đồng ý, có 17.89% SV một phần đồng ý và 53.71% SV không đồng ý.
- SV chưa chú trọng trau dồi kỹ năng mềm: Có 37.91% SV rất đồng ý, có 41.34% đồng ý, có 17.71% SV một phần đồng ý và 4.04% không đồng ý.

Bảng 3. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm của sinh viên

Yếu tố ảnh hưởng	Mức độ đồng ý				Tổng %
	Rất đồng ý	Đồng ý	Có phần không đồng ý	Không đồng ý	
Nhận thức của sinh viên về giáo dục kỹ năng mềm	39.62	37.15	12.39	10.84	100.00
Đặc điểm tâm, sinh lý của sinh viên	21.97	26.74	26.98	24.31	100.00
Yếu tố người giảng viên	41.89	43.91	3.89	10.31	100.00
Quan tâm của nhà trường đối với giáo dục kỹ năng mềm	31.75	51.21	13.00	4.04	100.00
Văn hóa trong nhà trường	29.74	31.64	21.76	16.86	100.00
Yêu cầu về thị trường lao động	43.90	37.54	11.45	7.11	100.00
Quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Nhà trường về giáo dục kỹ năng mềm	12.90	32.97	22.89	31.24	100.00

Bảng 3 cho thấy kết quả đồng ý của sinh viên về các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm như sau:

- Yếu tố nhận thức của sinh viên về giáo dục kỹ năng mềm: Có 39.62% SV rất đồng ý, có 37.15% SV đồng ý, có 12.39% SV một phần đồng ý và có 10.84% SV không đồng ý.
- Yếu tố đặc điểm tâm, sinh lý của SV: Có 21.97% SV rất đồng ý, có 26.74% SV đồng ý, có 26.98% SV một phần đồng ý và 24.31% SV không đồng ý.
- Yếu tố người giảng viên: Có 41.89% SV rất đồng ý, có 43.91% SV đồng ý, có 3.89% SV một phần đồng ý, có 10.31% SV không đồng ý.
- Yếu tố quan tâm của nhà trường đối với giáo dục kỹ năng mềm: Có 31.75% SV rất đồng ý, có 51.21% SV đồng ý, có 13.00% SV một phần đồng ý và có 4.04% không đồng ý.
- Yếu tố văn hóa trong nhà trường: Có 29.74% SV rất đồng ý, có 31.64% SV đồng ý, có 21.76% SV một phần đồng ý và có 16.86% SV không đồng ý.
- Yếu tố yêu cầu về thị trường lao động: Có 43.90% SV rất đồng ý, có 37.54% SV đồng ý, có 11.45% SV một phần đồng ý và 7.11% SV không đồng ý.
- Yếu tố về các quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, Nhà trường về giáo dục kỹ năng mềm: Có

12.90% SV rất đồng ý, có 32.97% SV đồng ý, có 22.89% SV một phần đồng ý, có 31.24% SV không đồng ý.

4.2. Thảo luận kết quả

- Từ Hình 1 cho thấy phần lớn SV có nhận thức đúng đắn về vai trò của giáo dục kỹ năng mềm, điều này do SV đã nhận thấy được những yêu cầu cao của thực tiễn thị trường lao động, ngoài yêu cầu về mặt kiến thức còn đòi hỏi rất cao về mặt kỹ năng làm việc. Tuy nhiên, vẫn có một bộ phận SV chưa nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng mềm do thiếu ý thức, không quan tâm hoặc định hướng giáo dục của nhà trường chưa tốt.
- Hình 2 cho thấy sự quan tâm của nhà trường trong giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên là vấn đề cần phải xem xét. Phần lớn SV lựa chọn đồng ý nhà trường đã quan tâm tới giáo dục kỹ năng mềm cho SV, điều này có được do một số nhà trường hiện nay đã tích cực đưa học phần Kỹ năng mềm hay tổ chức dạy học một số chuyên đề về kỹ năng mềm cần thiết cho phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Tuy nhiên, cũng có hơn 40% SV lựa chọn một phần đồng ý và không ý, điều này cho thấy sự quan tâm của nhà trường tới giáo dục kỹ năng mềm còn hạn chế, yêu cầu cần phải có sự thay đổi.

- Hiệu quả trong giáo dục kỹ năng mềm cho SV chưa cao. Chỉ có hơn 30% SV cho rằng hiệu quả, điều này cho thấy vấn đề giáo dục kỹ năng mềm cho SV có vấn đề cần phải giải quyết. Phần lớn SV cho rằng giáo dục kỹ năng mềm không hiệu quả, điều này xuất phát từ việc quan tâm của Nhà trường, ý thức tự trau dồi kỹ năng mềm của SV còn hạn chế.
- Nội dung giáo dục kỹ năng mềm cho SV hiện nay vẫn chưa thật sự phù hợp với yêu cầu của SV và thị trường lao động, chỉ có khoảng 45% đồng ý. Trong khi đó, tỷ lệ SV không đồng ý chiếm phần lớn hơn so với SV đồng ý.
- Mức độ hiệu quả trong tổ chức các hình thức giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên:
 - + Hiệu quả trong thông qua dạy học học phần Kỹ năng mềm được phần lớn SV đánh giá đồng ý, điều này xuất phát từ một số trường đã đưa kỹ năng mềm trở thành học phần chính trong chương trình đào tạo. Tuy nhiên, vẫn có phần không nhỏ SV cho rằng giáo dục kỹ năng mềm thông qua học phần Kỹ năng mềm không hiệu quả chiếm tỷ lệ hơn 46%.
 - + Hình thức giáo dục kỹ năng mềm thông qua các hình thức tổ chức dạy học trên lớp cũng chưa đạt hiệu quả, chiếm tỷ lệ hơn 45% SV đồng ý, còn lại SV lựa chọn một phần đồng ý và không đồng ý. Điều này cho thấy, giảng viên cần phải thay đổi các hình thức dạy học kỹ năng mềm cho phù hợp với yêu cầu của SV và đưa các kỹ năng mềm phù hợp với chuyên ngành đào tạo cho SV.
 - + Hình thức giáo dục thông qua các buổi tuyên truyền hay dạy học bằng chuyên đề cũng chỉ đáp ứng được một phần yêu cầu của SV, có hơn 60% SV lựa chọn, điều này do một số nhà trường đã mời các chuyên gia giáo dục về giá trị sống và kỹ năng sống giáo dục kỹ năng sống cho SV. Tuy nhiên, vẫn có tỷ lệ gần 40% SV không đồng ý, điều này cho thấy vấn đề giáo dục kỹ năng mềm thông qua hình thức dạy học cần phải có sự thay đổi hoặc nâng cao chất lượng hơn nữa.
 - + Hình thức giáo dục thông qua các môn học khác ở trên lớp được phần lớn SV đồng ý, điều này cho thấy hình thức giáo dục này cần tiếp tục được phát huy, thông qua một số phương pháp dạy học tích cực có thể phát triển được kỹ năng

mềm cho sinh viên. Tuy nhiên, vẫn còn một phần nhỏ SV lựa chọn chưa đồng ý, điều này cho thấy cần đẩy mạnh việc tổ chức dạy học tích cực ở các môn học thông qua tổ chức bằng các phương pháp dạy học hiện đại.

- + Hình thức giáo dục thông qua các hoạt động ngoại khóa cũng chưa đáp ứng được yêu cầu. Tỷ lệ SV lựa chọn đồng ý với không đồng ý gần tương đương nhau, do vậy cần phải xem xét và tìm giải pháp nâng cao hình thức giáo dục này.
- + Hình thức tự giáo dục của SV được phần lớn SV lựa chọn đồng ý, điều này cho thấy SV đã ý thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng mềm và tự giáo dục của bản thân trong việc trau dồi kỹ năng mềm. Tuy nhiên, vẫn còn bộ phận nhỏ SV lựa chọn không đồng ý, điều này cho thấy việc hướng dẫn cho SV trong tự học, tự giáo dục kỹ năng mềm là cần thiết.
- + Phần lớn SV chưa hài lòng về giáo dục kỹ năng mềm tại các nhà trường hiện nay, tỷ lệ chiếm hơn 62%, tỷ lệ hài lòng chỉ chiếm gần 40%. Điều này cho thấy, việc giáo dục kỹ năng mềm cần phải có sự thay đổi nhằm đáp ứng yêu cầu của SV.
- Có nguyên nhân dẫn đến giáo dục kỹ năng mềm chưa hiệu quả nhưng chủ yếu là nhiều trường chưa đưa kỹ năng mềm trở thành môn học chính thức (chiếm hơn 94%) SV lựa chọn. Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khác như nhà trường chưa quan tâm tới giáo dục kỹ năng mềm cho SV, phương pháp dạy học của giảng viên còn hạn chế, SV chưa chú trọng tới việc tự học và tự trau dồi kỹ năng mềm cho bản thân.
- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm của SV nhưng qua khảo sát cho thấy các yếu tố lớn nhất bao gồm nhận thức của SV về giáo dục kỹ năng mềm (chiếm hơn 76%), yếu tố người giảng viên (chiếm hơn 85%), sự quan tâm của nhà trường (chiếm khoảng 83%), yếu tố về thị trường lao động (chiếm hơn 80%). Ngoài ra còn một số yếu tố khác như đặc điểm tâm, sinh lý của SV, văn hóa trong nhà trường và các quy định của Bộ Giáo dục và đào tạo, nhà trường về giáo dục kỹ năng mềm.

5. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM TĂNG CƯỜNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN HIỆN NAY

Thứ nhất, nâng cao nhận thức tầm quan trọng

của kỹ năng mềm và giáo dục kỹ năng mềm cho SV, giảng viên và các nhà trường trong đào tạo. Để thành công trong cuộc sống, ngoài kiến thức chuyên môn cần phải trau dồi cho mình các kỹ năng cần thiết trong công việc, đặc biệt kỹ năng xử lý vấn đề. Kỹ năng mềm quyết định tới khoảng 70% sự thành công của cá nhân trong cuộc sống. Chính vì vậy, tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng mềm là vấn đề cấp thiết nhằm giúp cho các nhà trường, giảng viên và SV có định hướng và giải pháp nhằm trang bị kỹ năng mềm để thành công trong cuộc sống.

Thứ hai, các nhà trường cần quan tâm hơn nữa tới việc trang bị cho SV những kỹ năng mềm phù hợp với chương trình đào tạo chung và chuyên ngành đào tạo riêng của mình. Xây dựng các kỹ năng mềm thành học phần bắt buộc trong chương trình đào tạo của các nhà trường. Đồng thời, cần quan tâm hơn tới việc đào tạo, bồi dưỡng giảng viên trực tiếp giảng dạy kỹ năng mềm cho SV, đây là yếu tố then chốt để dẫn đến thành công.

Thứ ba, nâng cao hiệu quả giáo dục kỹ năng mềm cho SV. Hiện nay, chất lượng đào tạo chưa đáp ứng được về trang bị kỹ năng mềm cho SV, do vậy tìm các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng mềm là cần thiết. Các giải pháp cần phải đồng bộ trong đề xuất và trong thực hiện từ sự quan tâm của nhà trường, nội dung giáo dục, phương pháp dạy học của giảng viên đến tự học, tự trau dồi kỹ năng mềm của SV.

Thứ tư, xây dựng nội dung giáo dục kỹ năng mềm phù hợp với yêu cầu của SV, thị trường lao động. Mỗi nhà trường cần xây dựng học phần Kỹ năng mềm chung cho SV toàn trường đáp ứng chuẩn chương trình đầu ra chung. Đồng thời, xây dựng chương trình giáo dục Kỹ năng mềm riêng cho từng chuyên ngành đào tạo như SV chuyên ngành sư phạm cần tập trung vào kỹ năng giao tiếp, lắng nghe tích cực, thuyết trình, tư duy; SV chuyên ngành luật tập trung vào kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, tư duy,...

Thứ năm, đa dạng hóa phương pháp giáo dục kỹ năng mềm theo hướng tích cực, hiện đại. Giáo dục kỹ năng mềm được thực hiện thông qua các hình thức tổ chức dạy học tích cực, hiện đại trong dạy học học phần Kỹ năng mềm là giải pháp quan trọng và tối ưu nhất. Kỹ năng mềm

cũng có thể được phát triển thông qua các hình thức tổ chức dạy học các môn học khác trong chương trình đào tạo với việc giảng viên sử dụng phương pháp dạy học tích cực như phương pháp nêu vấn đề hình thành cho SV kỹ năng phát hiện - giải quyết vấn đề, phương pháp dạy học nhóm hình thành cho SV kỹ năng giao tiếp - hợp tác. Đồng thời, nhà trường, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên cần thường xuyên tổ chức các buổi tuyên truyền, hội thảo, trao đổi, hoạt động ngoại khóa nhằm trang bị kỹ năng mềm cho SV. Tuy nhiên, mỗi SV cần phải tự nâng cao ý thức trang bị kỹ năng mềm cho bản thân không ngừng.

Thứ sáu, cần khắc phục nhanh chóng và triệt để các nguyên nhân dẫn đến giáo dục kỹ năng mềm chưa hiệu quả. Trong đó, một số nguyên nhân chính cần được khắc phục nhanh chóng như kỹ năng mềm chưa được trở thành học phần chính thức trong chương trình đào tạo, các trường chưa thật sự quan tâm tới trang bị kỹ năng mềm cho SV. Ngoài ra, cần phải không ngừng quan tâm đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục kỹ năng mềm, nâng cao ý thức tự học và tự trau dồi kỹ năng mềm của SV.

Thứ bảy, căn cứ vào các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng mềm như thị trường lao động, người giảng viên, văn hóa nhà trường, đặc điểm tâm - sinh lý của SV,... để có giải pháp giáo dục kỹ năng mềm cho SV phù hợp và hiệu quả. Việc căn cứ vào các yếu tố trên là cần thiết, nhằm định hướng các mục tiêu, nội dung và phương pháp giáo dục kỹ năng mềm hợp lý, nhằm trang bị cho SV đầy đủ những kỹ năng quan trọng để xử lý công việc thành công, hiệu quả.

Như vậy, trong bối cảnh nền kinh tế tri thức đang phát triển mạnh mẽ, Việt Nam đang trong quá trình hội nhập kinh tế sâu rộng với khu vực và thế giới. Yêu cầu đặt ra nguồn nhân lực lao động không chỉ giỏi về kiến thức chuyên môn mà còn phải được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết trong công việc. Hiện nay, giáo dục kỹ năng mềm đã được nhiều trường đại học quan tâm nhằm trang bị cho SV. Tuy nhiên, phần lớn ở các trường kỹ năng mềm vẫn chưa được đưa vào trở thành học phần chính thức trong chương trình đào tạo, chính vì vậy, giáo dục kỹ năng mềm cho SV vẫn còn những hạn chế nhất định và chưa đáp ứng được nhu cầu học tập của SV và yêu cầu cao

của thị trường lao động. Để giáo dục kỹ năng sống cho SV thành công cần phải thay đổi nhận thức của GV, SV về tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, nhà trường cần quan tâm hơn tới việc xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng mềm trở thành học phần chính thức, đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. Từ đó, giúp SV không ngừng được hoàn thiện về mặt kỹ năng nhằm đáp ứng được những yêu cầu của xã hội đặt ra.

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành được nghiên cứu này, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn tới SV của các trường đại học ở Hà Nội (bao gồm: Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Công nghệ Đông Á, Đại học Thương Mại, Học viện Tài chính và Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội), đã hỗ trợ giúp chúng tôi trong việc điều tra, khảo sát nhằm thu thập được thông tin, dữ liệu quan trọng về việc đánh giá thực trạng giáo dục kỹ năng mềm cho SV hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Daniel Goleman, *Trí tuệ xúc cảm ứng dụng trong công việc*. Hà Nội: Nhà xuất bản Tri thức, 2007.
- [2] Lê Thủy Tiên, “Biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên nội trú trường Cao đẳng Cần Thơ,” *Tạp chí Khoa học*, số 34 (10-2018), 18-22, 2018.
- [3] Nguyễn Thị Hà Lan, “Kỹ năng sống của sinh viên Việt Nam hiện nay. Thực trạng và biện pháp giáo dục,” *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 9(70), 2023, 112-120, 2013.
- [4] Đặng Thị Phương Phi, *Giải pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên tại trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An*. Thái Nguyên: Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2014.
- [5] Đoàn Thị Thảo, “Thực trạng và biện pháp giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên đại học Sư phạm khối ngành khoa học tự nhiên trường Đại học Đồng Nai,” *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Đồng Nai*, số 06 - 2017, 19-28, 2017.
- [6] Phan Thị Thanh Cảnh và Nguyễn Thị Duyên và Lê Thị Thu Thủy và Lê Ngọc Phương, Hoàng Thị Ngọc, “Giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên sư phạm trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên,” *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, số 14, tháng 6/2017, 142-146, 2017.
- [7] Nguyễn Thị Phương Thảo, “Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trường Đại học Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh,” *Tạp chí khoa học Công nghệ Giao thông Vận tải*, số 30, 11/2018, 81-87, 2018.
- [8] Lê Thị Thu Hà, “Thực trạng giáo dục kỹ năng sống cho sinh viên trường Đại học Hồng Đức,” *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, kì 2 tháng 5/2019, 158-164, 2019.

The current status of soft skills education for students nowadays

Vi Van Thao

ABSTRACT

Soft skills education is one of the crucial educational components in universities today. However, this issue is still not truly valued and effective in meeting the requirements of students and the labor market. The article conducted a survey of 495 university students in Hanoi to accurately assess the current situation of soft skills education for students. Although it has received attention, there are still many limitations that need to be addressed. Consequently, we propose solutions to enhance soft skills education for students, such as raising awareness of the importance of soft skills education, innovating

content and teaching methods to equip students with essential skills for successful application in both academics and life.

Keywords: *current situation, education, soft skills, students, present day*

Received: 15/05/2024

Revised: 15/07/2024

Accepted for publication: 23/07/2024